CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam

Ngày 31/12/2025	6,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.3%	**-6.9%**	**-**

DT thuần
Q4/25
17.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.1| 668%
YoY: ▲ 11.3| 186%

LN thuần
Q4/25
-0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09| -188%
YoY: ▼0.19| -129%

LN sau thuế
Q4/25
-0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08| -274%
YoY: ▼0.17| -144%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.5%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE
2025
0.2%
YoY: +/-▼ 0.2%

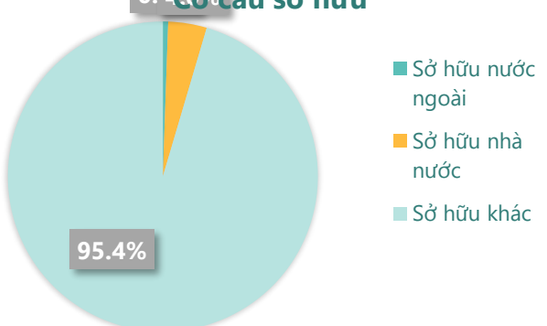
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 11,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27
Số lượng CPLH (CP)	4,103,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,035
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.43
EPS	20
P/E	334.4

DT thuần
2025
32.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.2| -40.5%

LN thuần
2025
0.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.27| 305%

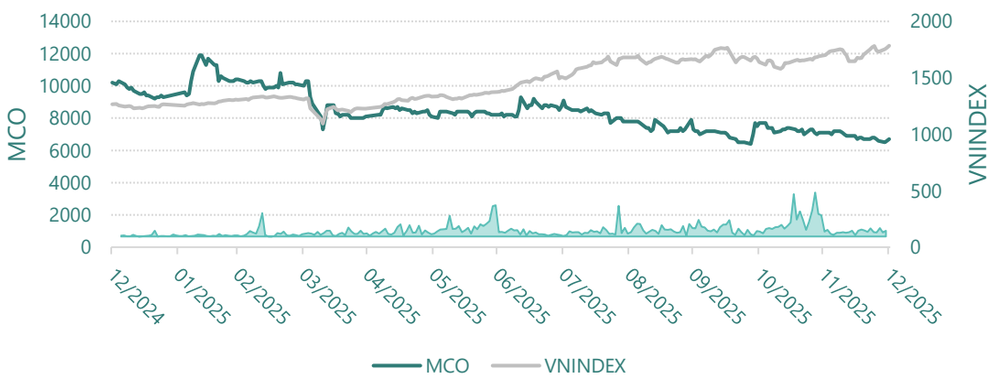
LN sau thuế
2025
0.08
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.12| -59.9%

Cơ cấu sở hữu

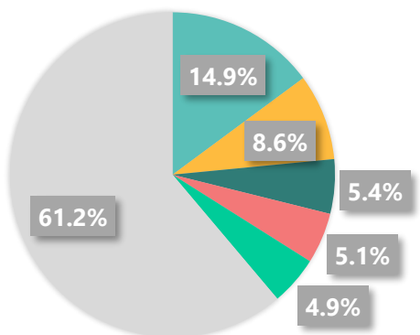


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

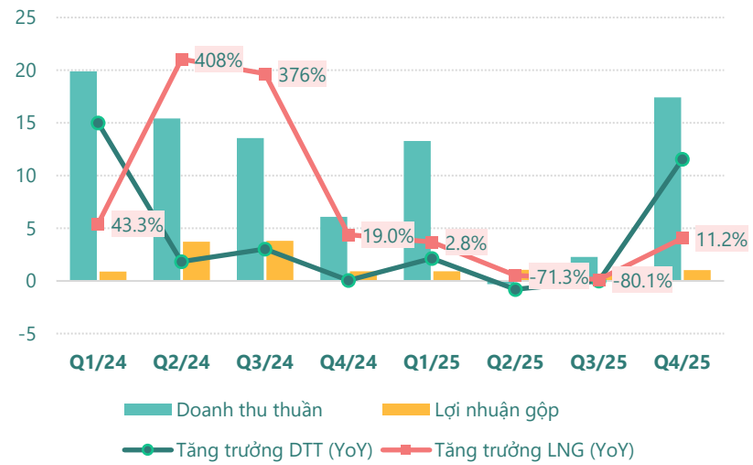


- Trần Thị Hồng Thái
- Nguyễn Đình Hùng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Quốc Tú (Chủ tịch HĐQT)
- Vũ Khánh Hòa
- Lê Thị Tú Hạnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

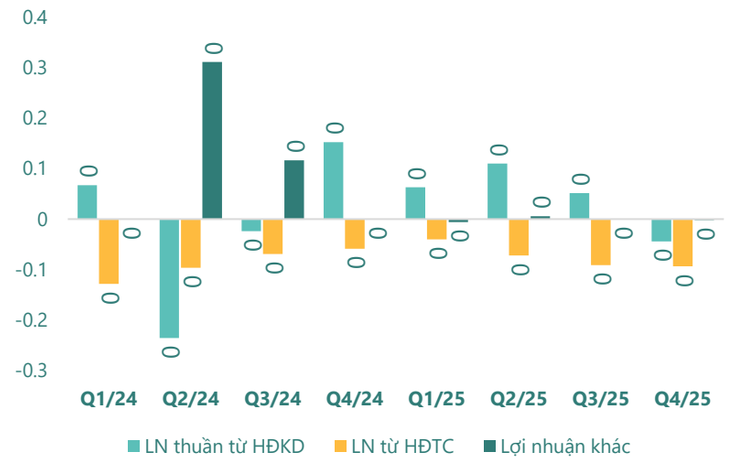
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



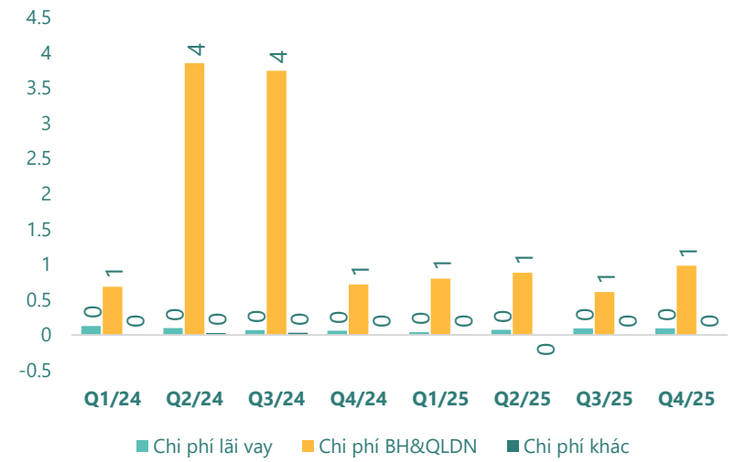
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



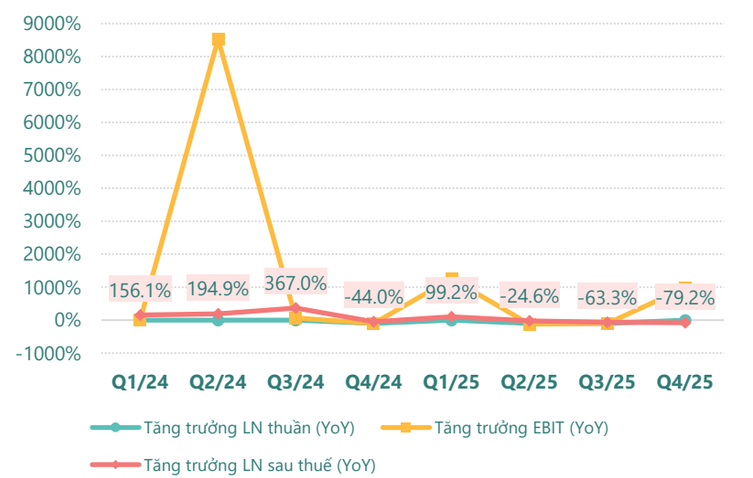
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



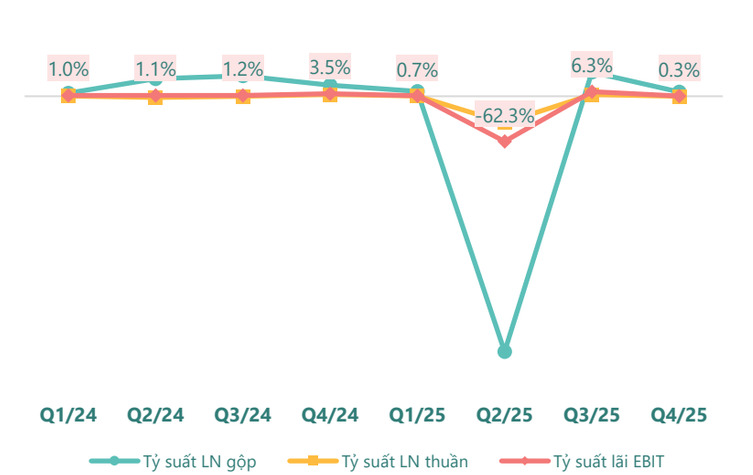
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



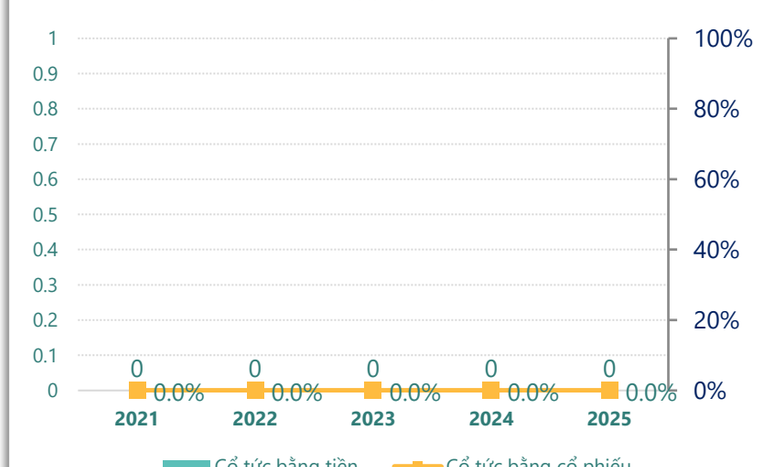
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

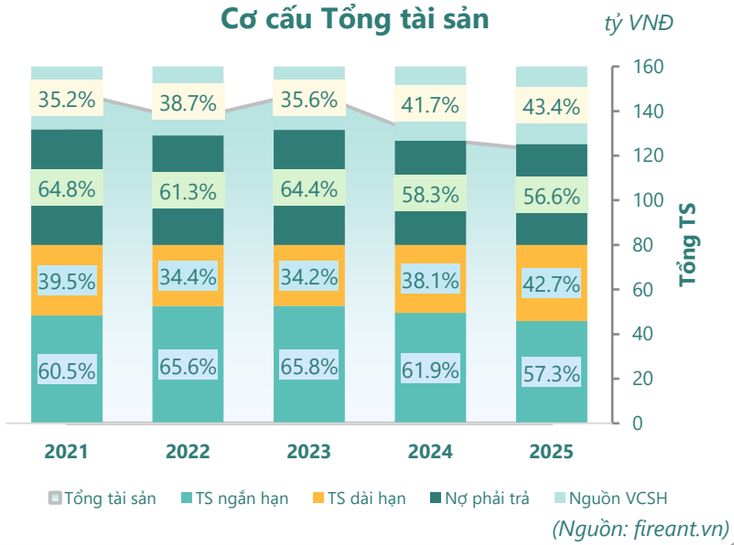
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

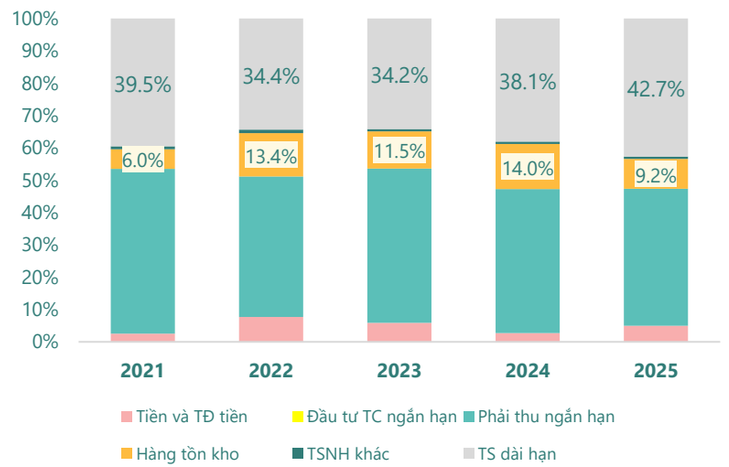
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



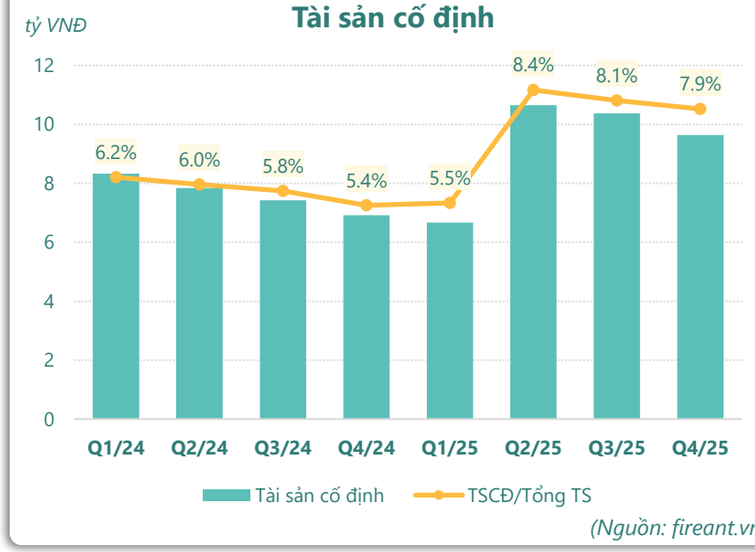
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



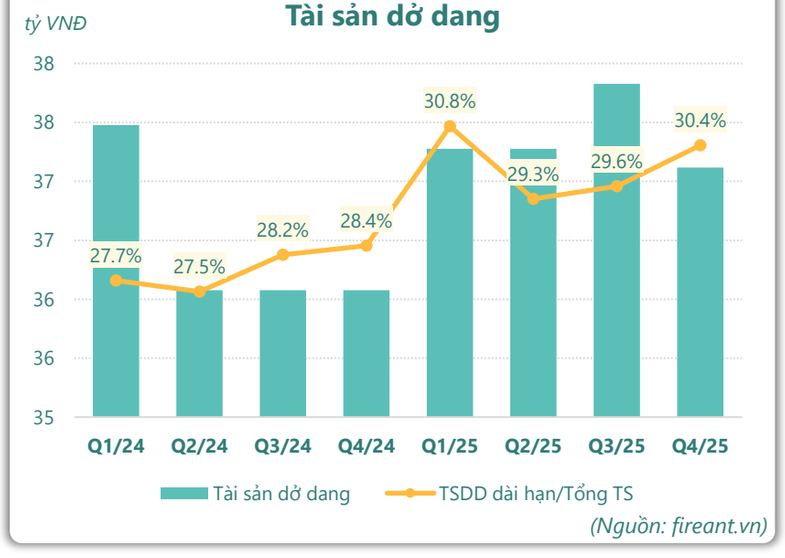
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



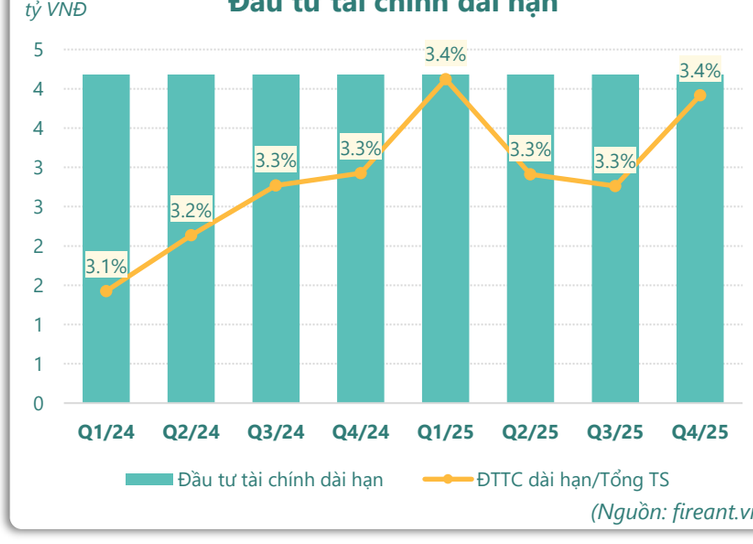
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



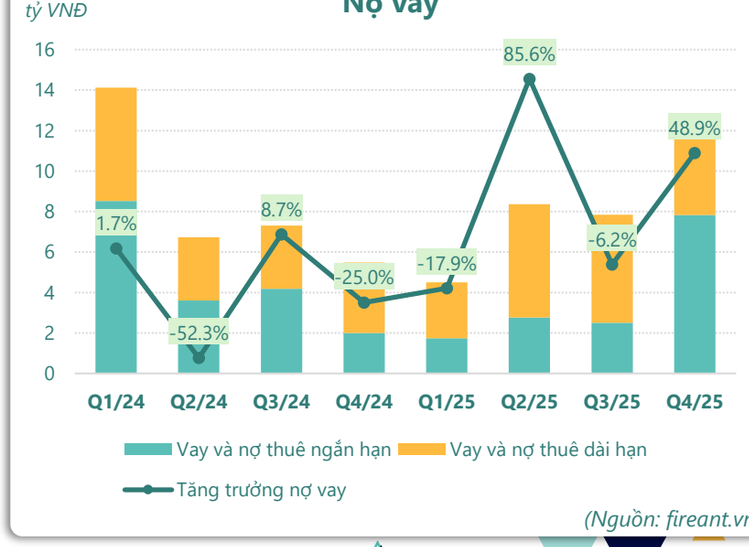
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

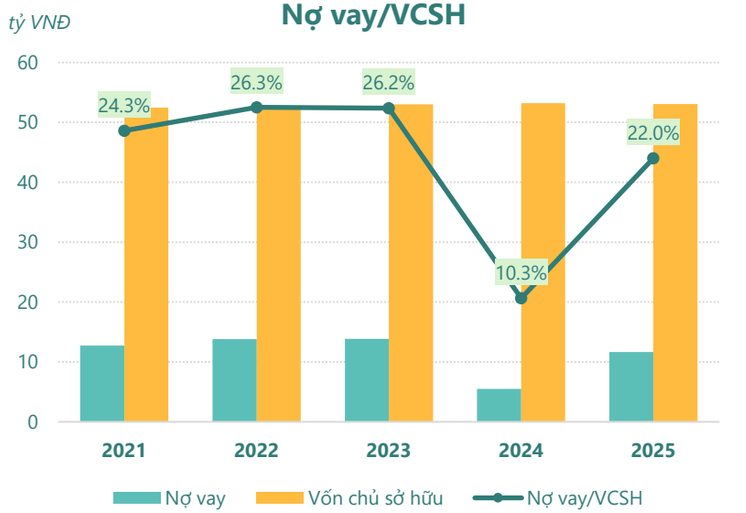
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



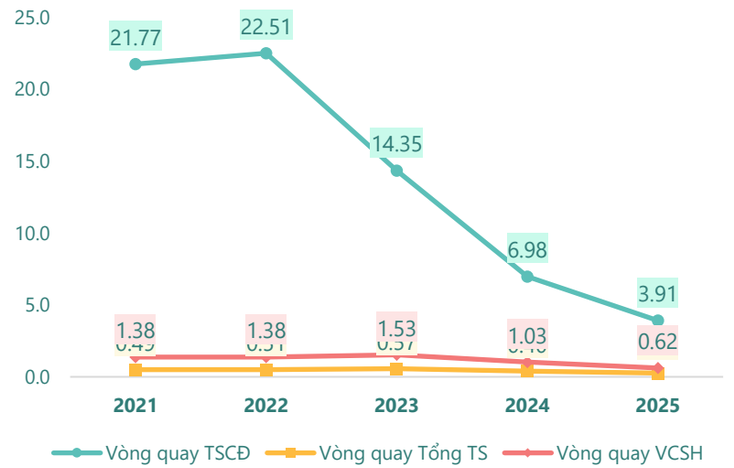
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



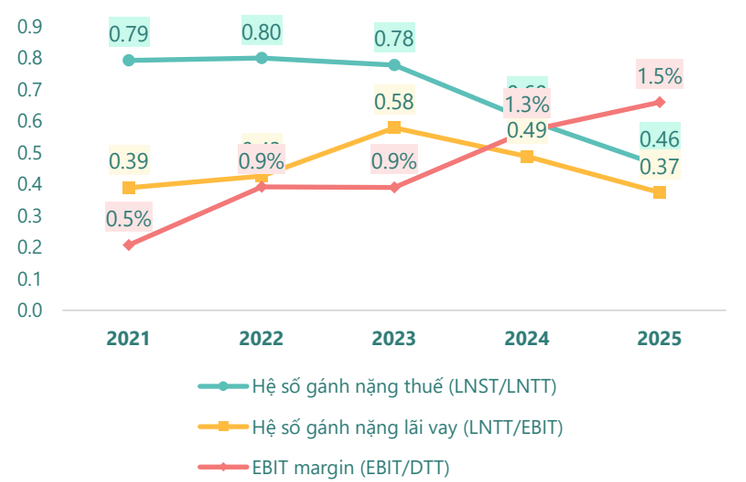
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



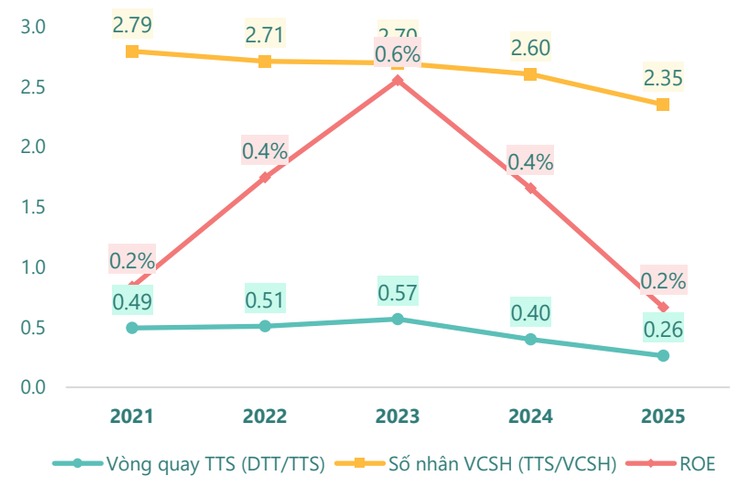
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



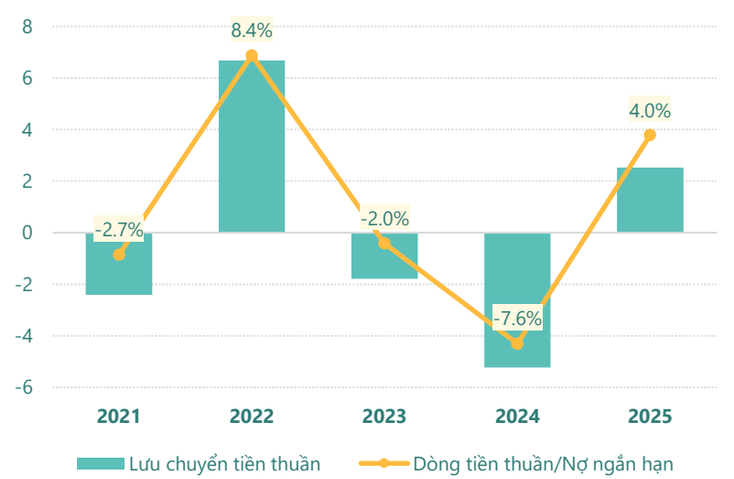
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**17.4**	**6.09**	**186%**	**32.7**	**54.9**	**-40.5%**
Giá vốn hàng bán	16.4	5.16	218%	28.9	48.6	-40.5%
Lợi nhuận gộp	1.03	0.93	10.8%	3.75	6.35	-40.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-23.4%
Chi phí TC	0.09	0.06	57.8%	0.30	0.36	-15.6%
Chi phí lãi vay	0.09	0.06	57.8%	0.30	0.36	-15.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.72	-100%	0	0	
Chi phí QLDN	**0.98**	**0.00**		**3.27**	**6.08**	**-46.2%**
LN thuần từ HĐKD	-0.04	0.15	-129%	0.18	-0.09	305%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.43**	**-101%**
LN trước thuế	-0.05	0.15	-131%	0.18	0.34	-47.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.05**	**0.12**	**-144%**	**0.08**	**0.20**	**-59.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.05**	**0.12**	**-144%**	**0.08**	**0.20**	**-59.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.32	2.59	3.79	-3.11	1.21	-0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.16	0	-4.24	-0.66	-0.09	-0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.58	-1.83	-0.99	3.85	-0.51	3.83
Tiền đầu kỳ	3.32	2.74	3.51	2.07	2.15	2.75
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.58**	**0.77**	**-1.44**	**0.08**	**0.60**	**3.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.74	3.51	2.07	2.15	2.75	6.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**122**	**128**	**-4.3%**
Tài sản ngắn hạn	70.0	79.0	-11.4%
Tiền và tương đương tiền	6.03	3.51	72.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	51.8	56.8	-8.7%
Hàng tồn kho	11.2	17.8	-36.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	0.87	3.6%
Tài sản dài hạn	**52.2**	**48.7**	**7.3%**
Phải thu dài hạn	1.22	0.04	2873%
Tài sản cố định	9.64	7.06	36.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.1	37.3	-0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.18	4.18	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.04**	**0.10**	**-59.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.1	74.4	-7.1%
Nợ ngắn hạn	**63.5**	**69.0**	**-7.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.82	1.74	351%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.7	28.2	-12.4%
Nợ dài hạn	5.55	5.45	1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.85	3.75	2.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**53.1**	**53.2**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**53.1**	**53.2**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	41.0	41.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)